TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2017
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Năm

Ông Hà Minh Tấn

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện T tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Văn Hai- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2017 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04-5-2017, và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19-5-2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đàm Thị Thu T, sinh năm 1974
Cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).
2. *Bị đơn*: Anh Lê Văn H, sinh năm 1976
Cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn kiện và bản tự khai của chị Đàm Thị Thu T trình bày: Chị và anh H chung sống năm 1999 đến ngày 16-01-2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T. Thời gian đầu hai bên sống hạnh phúc, đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn là do anh H không lo làm ăn để nuôi vợ con mà hay nhậu, đến tháng 4-2015 chị sống ly thân với anh H. Tại phiên tòa chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung, có 01 con Lê Đăng K, sinh ngày 07-5-2012, nay chị T yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn H tại biên bản lấy lời khai ngày 13-3-2017 trình bày: Anh và chị H đăng ký kết hôn ngày 16-01-2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Long An. Anh và chị T sống hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2015 không biết lý do gì chị H bỏ đi đến nay. Anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung, đúng như chị T trình bày có 01 con Lê Đăng K, sinh ngày 07-5-2012 đang sống với chị T. Nay anh H đồng ý để chị T nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, anh H yêu cầu chị T chia lại 10.000.000đồng và sổ hộ khẩu gia đình.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi nghị án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần; về trình tự thủ tục khai mạc, nội dung và xét hỏi tại phiên tòa theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự;

Thu ký phiên tòa làm đúng nhiệm vụ quyền hạn báo cáo đương sự có mặt và vắng mặt phiên tòa đúng theo quy định pháp luật dân sự;

Về đương sự, đối với nguyên đơn đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa vắng mặt không chấp hành theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Đối với anh Lê Văn H,Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số17/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04-5-2017, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19-5-2017, thông báo mở lại phiên tòa ngày 05-6-2017 nhưng anh H vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra Tòa án tiến hành niêm yết thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho anh H về việc yêu cầu chia tài sản theo biên bản lấy lời khai ngày 13-3-2017 nhưng đến nay anh H không nộp tạm ứng án phí theo quy định Điều 146, 195 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu chia tài sản của anh H có căn cứ.

[2]Chị Đàm Thị Thu T và anh Lê Văn H chung sống với nhau năm 1999 cho đến ngày 16-01-2009 đăng ký kết hôn số 97 quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Thời gian đầu chị T và anh H chung sống hạnh phúc, cho đến khoản một năm sau thì hai bên phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Nguyên nhân do anh H hay

nhậu nhẹt không có trách nhiệm với vợ con, việc này phía chị T khuyên can nhưng anh H không sửa đổi nên mâu thuẫn tình cảm giữa chị T và anh H ngày càng gay gắt vẫn đến chị T phải bỏ đi thuê mướn nhà ở riêng từ tháng 04-2015 đến nay. Ngoài ra Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng mở phiên hòa giải theo quy định pháp luật dân sự nhưng anh H vắng mặt không lý do, mặc khác tại biên bản lấy lời khai ngày 13-3-2017 anh H đồng ý ly hôn. Cũng như qua ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cho thấy tình cảm giữa chị T và anh H không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, do đó tại phiên tòa chị T yêu cầu xin ly hôn với anh H, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[3]Về nuôi con chung, trong thời gian sống chung chị T và anh H có 01 con chung Lê Đăng K, sinh ngày 07-5-2012 hiện nay cháu K đang sống với chị T, tại phiên tòa chị T yêu cầu được tiếp tục được nuôi cháu K là phù hợp. Bởi từ khi chị T và anh H sống ly thân cháu K sống với chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng cả về thể chất lẫn tinh thần và chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

[4]Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về tài sản chung, chị T khai không có không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6]Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh H không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Đàm Thị Thu T.

1. Về hôn nhân: Chị Đàm Thị Thu T ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về nuôi con chung: Chị T được quyền nuôi con Lê Đăng K, sinh ngày 07-5-2012, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp khi có yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình,cơ quan quản lý nhà nước

về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Đàm Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0005836 ngày 28-02-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hoàng